

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22BITS**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02175**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Nghiệp vụ ĐK và QL hộ tịch**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012797	Huỳnh Ngọc Anh	08/07/1987				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
2	2253801012798	Nguyễn Văn Bảo	20/10/1997				6	6.0	7.0			8.0		7.4
3	2253801012799	Dương Văn Bông	18/11/1982				9	7.0	7.0			8.0		7.8
4	2253801012800	Nguyễn Thành Chu	08/06/1962				6	7.0	6.0			6.0		6.2
5	2253801012801	Phạm Văn Duyên	31/12/1972				6	6.0	7.0			7.0		6.8
6	2253801012802	Nguyễn Thành Đạt	05/09/2001				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
7	2253801012803	Lê Thanh Điền	11/11/1985				5	6.0	7.0			7.0		6.7
8	2253801012805	Nguyễn Văn Hậu	25/05/2002				8	7.0	7.0			7.0		7.1
9	2253801012806	Phạm Thái Hòa	12/06/1988				8	7.0	6.0			8.0		7.5
10	2253801012807	Đinh Thị Thu Hương	06/11/2001				8	7.0	7.0			8.0		7.7
11	2253801012809	Tô Nam Khang	30/03/1993				8	6.0	7.0			7.0		6.9
12	2253801012811	Nguyễn Hoàng Minh Khoa	19/07/2004				5	6.0	6.0			8.0		7.1
13	2253801012813	Lê Nhựt Diệu Lành	07/07/2006				8	7.0	6.0			9.0		8.1
14	2253801012814	Phạm Kim Liên	21/07/1992				8	7.0	6.0			9.0		8.1
15	2253801012815	Lê Văn Lực	13/02/1988				8	6.0	7.0			8.0		7.5
16	2253801012817	Khuru Trần Võ Nghĩa	24/12/1973				9	6.0	8.0			9.0		8.4
17	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm Như	05/08/2001				6	7.0	6.0			8.0		7.4
18	2253801012820	Trang Quốc Pháp	06/08/2001				8	6.0	6.0			5.0		5.6
19	2253801012821	Nguyễn Văn Phước	05/07/1968				7	7.0	7.0			9.0		8.2

Châu Đốc, ngày 16 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Ngọc Yến